

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 21-01-2021

V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Sơn Hùng

Ông Lê Trung Thành

- *Thư ký phiên tòa :* Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú không tham gia phiên tòa.*

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2020/TLST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp Đòi lại tài sản

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông La Hoàng N, sinh năm 1982, nơi cư trú: số 21, tổ 15, ấp BQ, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1968, nơi cư trú: số 15/7, khu vực 2, đường LHP, phường TN, quận BT, Tp. Cần Thơ. Theo giấy uỷ quyền ngày 06/8/2020 chứng thực tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Tùng, Tp. Cần Thơ. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp LT, xã OLV, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2020 và lời khai của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn E trình bày:*

Ông N có giao dịch mua bán hàng hoá thuốc bảo vệ thực vật với Công ty TNHH Phú Nông, do đó ông có quen biết ông Th. Ông Th có nhận hàng hoá và còn nợ tiền hàng của ông là 90.500.000 đồng (chín mươi triệu, năm trăm ngàn

đồng), ông Th có cam kết theo biên bản làm việc lập ngày 15/5/2020 tuy nhiên cho đến nay vẫn không thực hiện.

Do đó ông N khởi kiện: Buộc ông Th trả số tiền 90.500.000 đồng (chín mươi triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền hàng hoá theo phiếu trao đổi công việc với khách hàng lập ngày 27/4/2020. Đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 16/5/2020 với mức lãi theo quy định pháp luật cho đến ngày xét xử.

Về ý kiến hoàn hàng hoá của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý nay ông N yêu cầu ông Th trả tiền theo như biên bản làm việc ngày 15/5/2020. Ông N đã phải xuất số tiền 90.500.000 đồng trả cho công ty, tương ứng với giá trị hàng hoá đã cho ông Th mượn. Sau đó khi công ty mới làm việc lập biên bản ông Th đã đồng ý sẽ trả số tiền 90.500.000 đồng cho ông N.

Biên bản làm việc ngày 15/5/2020 là làm việc với công ty TNHH Phú Nông nhưng có nêu nội dung liên quan đến vụ việc với ông N và có ghi là sẽ để ông Th tự thỏa thuận giải quyết với ông N, công ty không can thiệp giải quyết.

Về số lượng, chủng loại và giá trị hàng hoá mà ông N đã cho ông Th mượn thì ông là người đại diện theo uỷ quyền không nắm rõ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Giải quyết theo qui định pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ông thừa nhận có ký tên vào biên bản làm việc ngày 15/5/2020, nay ông chỉ đồng ý trả bằng hàng hoá tương ứng với hàng hoá đã nhận của ông N, không đồng ý trả số tiền 90.500.000 đồng, ông N căn cứ vào đâu mà quy giá trị hàng hoá ra số tiền 90.500.000 đồng. Lý do ông N giao hàng hoá cho ông vì ông N là đại lý nhận hàng hoá từ công ty và ông nhận hàng hoá từ ông N để hỗ trợ bán hàng cho ông N được hưởng mức hoa hồng cao nhất. Khi hàng hoá được bán thì ông sẽ giao số tiền đã bán hàng lại cho ông N. Theo ông hiện hàng hoá ông N giao cho ông vẫn còn, chưa được bán hết, khi phát sinh sự việc thì ông có thỏa thuận với công ty giãn thời gian thanh toán cho ông N để ông bán hết hàng và giao tiền bán cho ông N thanh toán cho công ty hoặc đề nghị công ty nhận lại hàng hoá còn tồn nhưng công ty không đồng ý, yêu cầu ông N thanh toán tiền hàng, do đó ông N mới yêu cầu ông thanh toán tiền hàng cho ông N.

Khi ông N giao hàng hoá cho ông, hai bên không có lập biên bản giao nhận, ông có nhận từ ông N 05 thùng Trobin plus (40 chai/thùng), 03 thùng Ramsing (100 gói/thùng), 02 thùng Diamide (100 chai/thùng). Nay ông đồng ý hoàn lại cho ông N các loại hàng hoá đã liệt kê.

Biên bản làm việc ngày 15/5/2020 là ông làm việc với công ty không phải là làm việc với ông N nên việc ông N căn cứ vào biên bản làm việc này khởi kiện ông là không phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Giải quyết theo qui định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Th trả cho ông N số tiền 90.500.000 đồng (chín mươi

triệu, năm trăm ngàn đồng) và tính lãi từ ngày 16/5/2020 theo mức lãi suất pháp luật quy định.

Bị đơn trình bày: xác định có nhận hàng hoá của ông N, nay chỉ đồng ý hoàn số lượng và chủng loại hàng hoá đã nhận, không đồng ý hoàn trả tiền. Giá trị hàng hoá ông nhận của ông N đối chiếu với bảng giá của Công ty TNHH Phú Nông thì cao hơn số tiền 90.500.000 đồng (chín mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Hoàng N khởi kiện về quan hệ đòi tài sản đối với ông Th cư trú tại huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 27, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục uỷ quyền: Ông Hoàng N uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn E theo giấy uỷ quyền ngày 06/8/2020 được chứng thực tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Tùng, Tp.Cần Thơ. Việc uỷ quyền này phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về yêu cầu đòi tài sản: Ông N là đại lý của công ty TNHH Phú Nông nên quen biết với ông Th là nhân viên của công ty. Trong quá trình làm việc cùng nhau, ông Th có nhận một số hàng hoá của ông N và cho đến thời điểm hiện nay vẫn chưa thanh toán. Ông N căn cứ vào biên bản làm việc ngày 15/5/2020 tại Văn phòng Công ty TNHH Phú Nông để yêu cầu ông Th trả cho ông số tiền 90.500.000 đồng (chín mươi triệu, năm trăm ngàn đồng) tương đương giá trị hàng hoá mà ông Th đã nhận.

[2.2] Ông Th thừa nhận có nhận một số hàng hoá của ông N, nay với yêu cầu khởi kiện của ông N thì ông chỉ đồng ý hoàn lại số lượng các loại hàng hoá đã nhận. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định ông Th có nhận một số lượng hàng hoá của ông N và cho đến nay chưa thanh toán hay hoàn trả là thật. Do đó ông N khởi kiện đòi tài sản đối với ông Th là có cơ sở.

[2.3] Theo biên bản làm việc ngày 15/5/2020 của Công ty TNHH Phú Nông, ông Th xác định ông có tham gia làm việc và ký tên vào biên bản tuy nhiên ông cho rằng đây là biên bản ông làm việc với công ty không liên quan đến ông N do đó ông cho rằng ông N căn cứ biên bản này để khởi kiện là không phù hợp. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy đây là biên bản làm việc giữa ông Th và công ty TNHH Phú Nông, không có sự tham gia hay ý kiến của ông N nhưng nội dung làm việc có đề cập đến vấn đề giữa ông N và ông Th đang tranh chấp trong vụ án này. Do đó căn cứ vào Điều 93, 94, 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử xác định biên bản làm việc ngày 15/5/2020 có giá trị chứng minh trong vụ án.

[2.4] Ông Th chỉ đồng ý hoàn trả số lượng hàng hoá, phía ông N không đồng ý và yêu cầu trả tiền. Xét thấy, thời điểm hai bên giao nhận hàng hoá với nhau không có làm biên nhận, văn bản nên nay ngoài lời trình bày của ông Th thì không có chứng cứ nào chứng minh được về số lượng và chủng loại hàng hoá đã giao nhận và như ông Th trình bày việc nhận hàng hoá được một thời gian lâu. Do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến hoàn trả hàng hoá của ông Th.

[2.5] Theo biên bản làm việc ngày 15/5/2020 không thể hiện số lượng, chủng loại hàng hoá mà chỉ xác định số tiền ông Th còn nợ đối với ông N là 90.500.000 đồng, tại biên bản ông Th không có ý kiến phản đối về số tiền và xác nhận sẽ chịu trách nhiệm giải quyết với đại lý cụ thể là với ông N. Đồng thời, bản thân ông Th đã xác định giá trị hàng hoá ông nhận của ông N theo bảng giá của công ty TNHH Phú Nông là có giá trị cao hơn số tiền 90.500.000 đồng (chín mươi triệu, năm trăm ngàn đồng). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015 đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N buộc ông Th trả số tiền 90.500.000 đồng (chín mươi triệu, năm trăm ngàn đồng).

[2.6] Về tiền lãi: ông N yêu cầu ông Th trả tiền lãi tính từ ngày 16/5/2020 theo mức lãi suất quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản làm việc ngày 15/5/2020 không xác định thời gian ông Th phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông N và không ghi nhận việc tính lãi với số tiền này. Đồng thời, ngoài biên bản làm việc ngày 15/5/2020, giữa ông N và ông Th không có lập văn bản hay thoả thuận gì thêm về thời gian ông Th phải trả tiền cho ông N cũng như thoả thuận về tiền lãi hay mức lãi suất. Do đó không có cơ sở để áp dụng điều 357 Bộ luật dân sự 2015 đối với yêu cầu tính lãi của ông N.

[2.7] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận do đó ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông N tạm ứng án phí đã nộp. Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 27, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 92, 93, 94

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông La Hoàng N. Buộc ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ trả cho ông La Hoàng N số tiền 90.500.000 đồng (chín mươi triệu, năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi của nguyên đơn ông La Hoàng N.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông La Hoàng N số tiền 2.263.000 đồng (hai triệu, hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003722 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 4.525.000 đồng (bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Ông La Hoàng N, ông Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương